TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P T** **TỈNH G L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày: 04- 8- 2023
"V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P T, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Đình Mạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Huê
2. Ông Hồ Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P T, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; Địa chỉ: 02 Ng T T, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị M là chỗ quen biết với nhau, bà M nhiều lần vay tiền của tôi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Tuy nhiên, đến năm 2002 bà M đã thất hẹn nhiều lần. Ngày 22/5/2002 bà M có viết "Giấy cam đoan trả nợ", thừa nhận có nợ tôi số tiền 46.040.000 đồng, có sự xác nhận của Phó chủ tịch thị trấn P T và được UBND thị trấn P T đóng dấu. Bà M hẹn trong năm 2002 trả cho tôi.

Tôi đã yêu cầu bà M trả, nhưng bà M chỉ trả cho tôi được 12.000.000 đồng, nay tôi yêu cầu bà M trả số tiền 34.040.000 đồng. Tôi không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 23/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Tôi thừa nhận chỉ có vay của bà H số tiền 30.000.000 đồng. Tôi đã trả cho bà H 02 lần, lần 01 số tiền 7.000.000 đồng, lần 02 trả 10.000.000 đồng. Tôi chỉ còn nợ bà H 13.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà M thừa nhận có vay tiền bà H như bà H trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý trả cho bà H số tiền 34.040.000 đồng.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ đảm bảo theo quy định, có đơn xin xét xử vắng mặt; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự: Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H số tiền 34.040.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu thực hiện hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 22/5/2002 bà Nguyễn Thị M có ký nhận vào "Giấy cam đoan trả nợ", thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 46.040.000 đồng, có sự xác nhận và đóng dấu của Ủy ban nhân dân thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L (Trước đây là thị trấn P T, huyện A P, tỉnh G L), nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày các bên xác lập.

Theo thỏa thuận trong "Giấy cam đoan trả nợ" thì bà M phải trả cho bà H số tiền 46.040.000 đồng đến thời hạn cuối cùng là ngày 22/12/2002.

Đến nay, bà M chưa trả hết cho bà H số tiền còn nợ còn lại là vi phạm hợp đồng giữa các bên đã ký kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà M phải trả cho bà H số tiền 34.040.000 đồng.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 34.040.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.702.000 đồng (Một triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.151.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008020 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P T, tỉnh G L.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P T;
- Chi Cục THS DS huyện P T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh